TỪ VỰNG - NGỮ PHÁP TIẾNG ANH LỚP 3 THEO UNIT

UNIT 8: THIS IS MY PEN

I. Vocabulary - Từ vựng tiếng Anh 3 Unit 8 This is my pen

Dưới đây là toàn bộ từ vựng tiếng Anh quan trọng có trong bài:

Từ mới	Phân loại/ Phiên âm	Định nghĩa
1. Rubber	(n) /ˈrʌbə(r)/	cục tẩy
2. pencil case	(n) /ˈpensl keɪs/	hộp bút
3. school bag	(n) /sku:l bæg/	cặp sách
4. Notebook	(n) / ˈnəʊtbʊk/	vở viết
5. Pencil	(n) / ˈpensl/	bút chì
6. Ruler	(n) / ˈru:lə(r)/	thước kẻ
7. These	/ði:z/	những cái này
8. Those	/ðəʊz/	những cái kia
9. pencil sharpener	(n) / ˈpensl ʃɑ:pnə(r)/	cái gọt bút chì
10. Long	(adj) /lɒŋ/	dài
11. Short	(adj) /ʃɔ:t/	ngắn

II. Grammar - Ngữ pháp tiếng Anh 3 Unit 8 This is my pen

1. Giới thiệu một đồ vật nào đó của người nào:

(+) This/ That + is + tính từ sở hữu + school things

Example

-This is my rubber. (Đây là tẩy của tôi)

- This is her school bag. (Đây là cặp sách của cô ấy.)

2. Giới thiệu một vài đồ vật nào đó của người nào:

(+) These/ Those + are + tính từ sở hữu + school things.

Example

- These are my school bags. (Những cái này là cặp sách của tôi.)

3. Nói về tính chất của vật gì đó:

(+) It is + adj.

(+) They are + adj.

Example

- It is new. (Cái đó thì mới.)

- They are old. (Những cái đó thì cũ.)

4. Khi nói tới 2 tính chất của một đồ vật:

(+) It is + adj 1 + and/ but + adj 2.

Example

- It is small and old. (Nó nhỏ và cũ.)

(+) They are + adj 1 + and/ but + adj 2.

Example

- They are new and beautiful. (Chúng mới và đẹp.)

III. Phonics - Ngữ âm tiếng Anh 3 Unit 8 This is my pen

Luyện phát âm những âm /r/, /ð/ và những từ tiếng Anh dưới đây:

/r/	rubber /ˈrʌbə(r)/	rabbit /ˈræbɪt/	friend /frend/	proper /ˈprɒpə(r)/
/ð/	these /ðiːz/	those /ðəʊz/	they /ðeɪ/	this /ðɪs/

Mời bạn đọc tham khảo thêm nhiều tài liệu ôn tập Tiếng Anh 3 khác như:

Giải bài tập Tiếng Anh lớp 3 cả năm: https://vndoc.com/tieng-anh-lop-3

Trắc nghiệm Tiếng Anh lớp 3 online: https://vndoc.com/test/tieng-anh-lop-3